TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:30/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2017
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông: Nguyễn Văn Thái - Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Cù Thị Chanh
2. Ông: Trần Ngọc Châu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông: Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung*** *tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 45/2017/TLST - HNGĐ ngày 20/4/2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:36/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh: Vũ Văn H, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Thôn Tân Chính, xã Hà Th, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Chị: Vũ Thị L, sinh năm: 1980.
Địa chỉ: Thôn Thanh Tân, xã Hà Th, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.
Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/04/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Văn H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Th, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/01/2000. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải chửi nhau. Từ đầu năm 2005 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh H yêu cầu được ly hôn chị L.

Về con chung*:* Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Mạnh H1, sinh ngày 03/11/2000. Hiện nay cháu H1 đang ở với chị L, anh H đề nghị giao cháu H1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 500.000đ*(Năm trăm nghìn đồng)* cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Vũ Thị L trình bày: Giữa chị L và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Th, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/01/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải chửi nhau. Từ đầu năm 2005 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, nay anh H xin ly hôn, chị L cũng đồng ý vì thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung*:* Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Mạnh H1, sinh ngày 03/11/2000. Hiện nay cháu H1 đang ở với chị, chị L yêu cầu giao cháu H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 500.000đ*(Năm trăm nghìn đồng)* cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1, Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H và chị L.

[2]. Về hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, nên thường xảy ra cãi cọ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, hai bên không có trách nhiệm gì với nhau. Cả anh H và chị L cũng cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh H được ly hôn chị L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Vũ Mạnh H1, sinh ngày 03/11/2000, chị L có nguyện vọng nuôi cháu H1, anh H cũng đồng ý giao cháu H1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, nên chấp nhận đề nghị của chị L, giao cháu H1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh H và chị L đều thống nhất mức cấp dưỡng

nuôi con chung là 500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí DSST về ly hôn, và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị L.

2. Về con chung: Xử giao cháu Vũ Mạnh H1, sinh ngày 03/11/2000 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Vũ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2017.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, thì hàng tháng anh H phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi xuất chậm thi hành án bằng 50% mức lãi xuất giới hạn.

3.Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* và án phí DSST đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004656 ngày 20/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh H còn phải nộp 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh H, chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- THADS huyện Hà Trung;
- Cơ quan quản lý hộ tịch
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái